TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35/**2021/ DS- ST
Ngày 09 tháng 11 năm 2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH - KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Phạm Ngọc Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Cán bộ Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/TLST- DS ngày 30 tháng 6 năm 2021 về việc *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐST-DS ngày 13/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 108/2021/QĐST-DS, ngày 20/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1981 *(có mặt)*

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thứ Mười Một, huyện An Minh- Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1982 *(có mặt)*;

Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1982 (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp 11B, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2020 và trong quá trình tố tụng bà L trình bày và yêu cầu như sau*:

Bà L có tham gia góp hụi cho vợ chồng bà Th và ông Đ làm chủ, sau khi góp hụi thì bà L lĩnh hụi, bà Th và ông Đ giao tiền hụi cho bà L còn thiếu lại 40.000.000đ, năm 2018 bà Th ngưng không góp hụi không trả tiền hụi mà bà L,

Trong năm 2018 và 2019 bà L có cho bà Th và ông Đ vay tiền nhiều lần, số tiền vay gốc là 298.000.000đ, tiền lãi suất tính từ thời điểm vay đến ngày 50/5/2021 là 92.000.000đ nhưng giảm bớt đòi **60.000.000**đ, tiền hụi lã **40.000.000**đ. Tổng số tiền bà Th và ông Đ thiếu bà L là 398.000.000đ yêu cầu bà Th và ông Đ phải trả đủ một trong thời hạn một năm số tiền thiếu nêu trên.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/6/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Văn Đ thừa nhận còn thiếu số tiền của bà L đúng như yêu cầu của bà L nêu ra hẹn trả mỗi năm 84.925.000đ, trả cho đến khi đủ số tiền thiếu đối với bà L.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bà Th và ông Đ phải trả số tiền 398.000.000đ.

Bị đơn bà Th và ông Đ thừa nhận và đồng ý thiếu số tiền bà L 398.000.000đ, trả mỗi năm 50.000.000đ, trả cho đến khi hết số tiền thiếu của bà L.

Ý kiến Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

- Về thực hiện tố tụng tuân theo pháp luật của Thẩm phán, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án; Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định mối quan hệ pháp luật, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án thực hiện đúng theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73, 76, 78 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án*:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa xác định năm 2018 và năm 2019 bà L có cho bà Th và ông Đ vay tiền nhiều lần và đồng thời có tham gia góp hụi. Sau khi là L lĩnh hụi thì bà Th và ông Đ còn nợ lại bà L tiền hụi 40.000.000 đồng và vay số tiền 298.000.000đ, thời hạn vay theo bà L trình bày 02 tháng, nên được xác định là

hợp đồng cho vay tài sản có kỳ hạn và hợp đồng góp hụi, hụi có hoa hồng, có lãi. Từng lần vay thì bà Th có viết biên nhận nợ đối với bà L, trong quá trình vay và hợp đồng góp hụi thì bà Th và ông Đ hẹn trả nhưng không trả, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Th và ông Đ phải trả **398.000.000** đồng tiền vay và tiền hụi còn thiếu. Trong đó: tiền vay vốn là 298.000.000đ, tiền lãi suất tính đến ngày 50/5/2021 là 60.000.000đ, tiền hụi là 40.000.000 đồng

Bị đơn bà Th và ông Đ thừa nhận nên được xác định đây là thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của bộ luật tố tụng dân sự. Từng lần vay tiền bà Th có viết biên nhận nợ đối với bà L nhưng không trả. Nay bà L yêu cầu phải trả số tiền vay thiếu và tiền hụi là 398.000.000 đồng, thấy rằng bà Th, ông Đ vay tiền của bà L và tổ chức góp hụi, số tiền vay trong thời hạn 02 tháng nhưng đến nay chưa trả, đối với tiền hụi đã mãn hụi chưa giao đủ là vi phạm nghĩa vụ trả số tiền đối với bà L nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của L, buộc bà Th và ông Đ phải thanh toán số tiền còn thiếu cho bà L là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 470 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 15 Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về nguyên tắc tổ chức họ, hụi, biêu, phường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[2]. Xét về tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án có tống đạt các Thông báo thụ lý vụ án cho bà Th và ông Đ biết việc bà L khởi kiện đòi tiền vay và tiền hụi còn thiếu, đã hết thời hạn quy định trong thông báo nhưng bà Th và ông Đ không ý kiến nên Tòa án tiếp tục thông báo về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/6/2021thì bà L và bà Th, ông Đ cùng thống nhất với nhau số tiền mà bà Th, ông Đ còn thiếu nhưng không thống nhất với nhau về thời gian và phương thức thanh toán số tiền. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất do bị đơn vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa, phiên tòa lần hai các đương sự có mặt.

[3]. *Xét về nội dung và yêu cầu của bà L thấy rằng*; bà L khởi kiện đòi bà Th và ông Đ phải trả 398.000.000đ tiền vay và tiền hụi còn thiếu, bà Th và ông Đ thừa nhận đồng ý trả số tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà L nên được xác định giao dịch giữa bà L và bà Th, ông Đ là hợp đồng góp hụi và vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 470, 471 Bộ luật dân sự.

Sau khi nhận tiền vay thì bà Th và ông Đ không trả tiền lãi suất và tiền vay gốc và tiền hụi bà L được lĩnh nên bà L đến đòi thì bà Th và ông Đ không trả nên phát sinh tranh chấp, bà L khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện An Minh giải quyết đòi bà Th và ông Đ phải trả số tiền vay và tiền hụi còn thiếu nêu trên. Thấy rằng, bà L đòi bà Th và ông Đ trả tiền vay và tiền hụi là có cơ sở bởi vì tại biên bản hòa giải của Tòa án nhân dân huyện An Minh và các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, bà Th và ông Đ thừa nhận là đã vi phạm thời gian trả tiền cho bà L, tại phiên tòa hôm nay các đương sự thỏa thuận với nhau số tiền nhưng không thỏa thuận được với nhau về phương thức và thời hạn trả số tiền nên HĐXX không thể ghi nhận mà nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng L và ý kiến của Kiểm sát viên buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Văn Đ phải trả số tiền vay và tiền hụi còn thiếu cho bà Loan 398.000.000đ (*Ba trăm chín mươi tám triệu đồng*) là hoàn toàn phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, Điều 470 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 15 Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về nguyên tắc tổ chức họ, hụi, biêu, phường.

[4] *Về án phí*: 398.000.000đ x 5 % = 19.900.000đ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí của Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 15 Điều 18, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về nguyên tắc tổ chức họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 của Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Văn Đ trả cho bà Trần Thị Hồng L 398.000.000 đồng (***Ba trăm chín mươi tám triệu đồng***); trong đó: tiền vay gốc là 298.000.000 + tiền lãi là 60.000.000đ + tiền hũi 40.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không trả hoặc trả không đủ số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người

được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2]. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Phạm Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 19.900.000đ (Mười chín triệu chín trăm ngàn đồng) phần phải trả nợ đối với bà L.

Trả lại cho bà L số tiền 10.000.000đ tạm ứng án phí mà bà L tạm nộp theo biên lai số 0006297 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

[3]. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/11/2021.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Mỹ Huê

Nơi gởi;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;